



OCEAN SECURITIES

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG
OCS JOINT STOCK COMPANY

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

Hà Nội, tháng 04 năm 2017

MỤC LỤC

I. Thông tin chung.....	3
1. Thông tin khái quát.....	3
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	4
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	4
5. Định hướng phát triển.....	5
6. Các rủi ro.....	6
II. Tình hình hoạt động trong năm.....	8
1. Tình hình hoạt động kinh doanh.....	9
2. Tổ chức và nhân sự.....	9
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	12
4. Tình hình tài chính.....	12
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	13
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.....	14
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.....	15
1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh.....	15
2. Tình hình tài chính.....	15
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	16
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	16
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.....	18
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.....	18
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	18
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty.....	19
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	19
V. Quản trị công ty.....	20
1. Hội đồng quản trị.....	20
2. Ban Kiểm soát.....	21
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.....	22
VI. Báo cáo tài chính.....	22
1. Ý kiến kiểm toán:.....	22
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	25

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Ocean Securities Joint Stock Company
- Giấy CNĐKKD số: 0103015027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 22/12/2006 và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 48/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/12/2006.
- Vốn điều lệ: 600.000.000.000 (Sáu trăm tỷ) đồng
- Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2016: 394.534.410.353 (Ba trăm chín mươi tư tỷ năm trăm ba mươi tư triệu bốn trăm mười nghìn ba trăm năm mươi ba) đồng
- Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà VNT Tower, số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.
- Số điện thoại: (84.4) 3772 6699
- Số fax: (84.4) 3772 6763
- Website: www.ocs.com.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương (“Ocean Securities”, “OCS”) được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103015027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 48/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/12/2006, với Vốn điều lệ ban đầu là 50.000.000.000 VNĐ (năm mươi tỷ đồng). Kể từ đó đến nay, Công ty cổ phần Chứng khoán Đại Dương đã liên tục phát triển và trải qua nhiều mốc sự kiện quan trọng:

Năm	Sự kiện
2007	Trở thành thành viên thứ 40 của Sở GDCK Hà Nội và thành viên thứ 56 của Sở GDCK TP.Hồ Chí Minh
2009	Vốn điều lệ của OCS tăng từ 50.000.000.000 VNĐ lên 150.000.000.000 VNĐ Tham gia giao dịch trực tuyến tại Sở GDCK Hà Nội
2010	Chi nhánh Sài Gòn chính thức được thành lập và đi vào hoạt động Vốn điều lệ của OCS tăng từ 150.000.000.000 VNĐ lên 300.000.000.000 VNĐ Tham gia giao dịch trực tuyến tại Sở GDCK Hà Nội
	Trở thành thành viên giao dịch trái phiếu Chính phủ chuyên biệt của Sở GDCK Hà Nội

	Trở thành công ty chứng khoán thứ 13 được UBCKNN chấp thuận đăng ký cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến
	Tham gia giao dịch trực tuyến thị trường đăng ký giao dịch (UPCOM)
2011	Được cấp phép cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán ký quỹ
2014	Công ty tăng vốn điều lệ từ 300 tỷ đồng lên 600 tỷ đồng

Năm 2016, Công ty đã chuyển trụ sở chính về tòa nhà VNT Tower - Số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Ocean Securities tiếp tục ổn định hoạt động kinh doanh và là một trong những công ty cung cấp đầy đủ tất cả các dịch vụ chứng khoán chuyên nghiệp trên thị trường vốn, luôn sát cánh, hỗ trợ khách hàng.

Kể từ khi thành lập tới nay, Ocean Securities luôn cam kết đặt lợi ích của khách hàng lên hàng đầu và xây dựng sự tin tưởng của khách hàng trên cơ sở chất lượng của dịch vụ cung cấp. Bên cạnh các dịch vụ cơ bản và phục vụ trực tiếp lợi ích của các nhà đầu tư trên thị trường vốn như: môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, Ocean Securities đã trở thành một địa chỉ tin cậy đối với các doanh nghiệp có nhu cầu về dịch vụ tư vấn tài chính như: phát hành chứng khoán huy động vốn, cổ phần hóa, niêm yết chứng khoán, tái cơ cấu, sáp nhập doanh nghiệp,...

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- OCS đã đăng ký và được phép thực hiện tất cả các loại hình hoạt động kinh doanh trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, cụ thể:
 1. Môi giới chứng khoán
 2. Tự doanh chứng khoán
 3. Bảo lãnh phát hành chứng khoán
 4. Tư vấn đầu tư chứng khoán
 5. Ngoài ra Công ty còn cung cấp các dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ tài chính.
- Địa bàn kinh doanh: Công ty tập trung phát triển các nghiệp vụ kinh doanh chủ yếu tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

Hội sở: Tầng 2, tòa nhà VNT Tower, số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

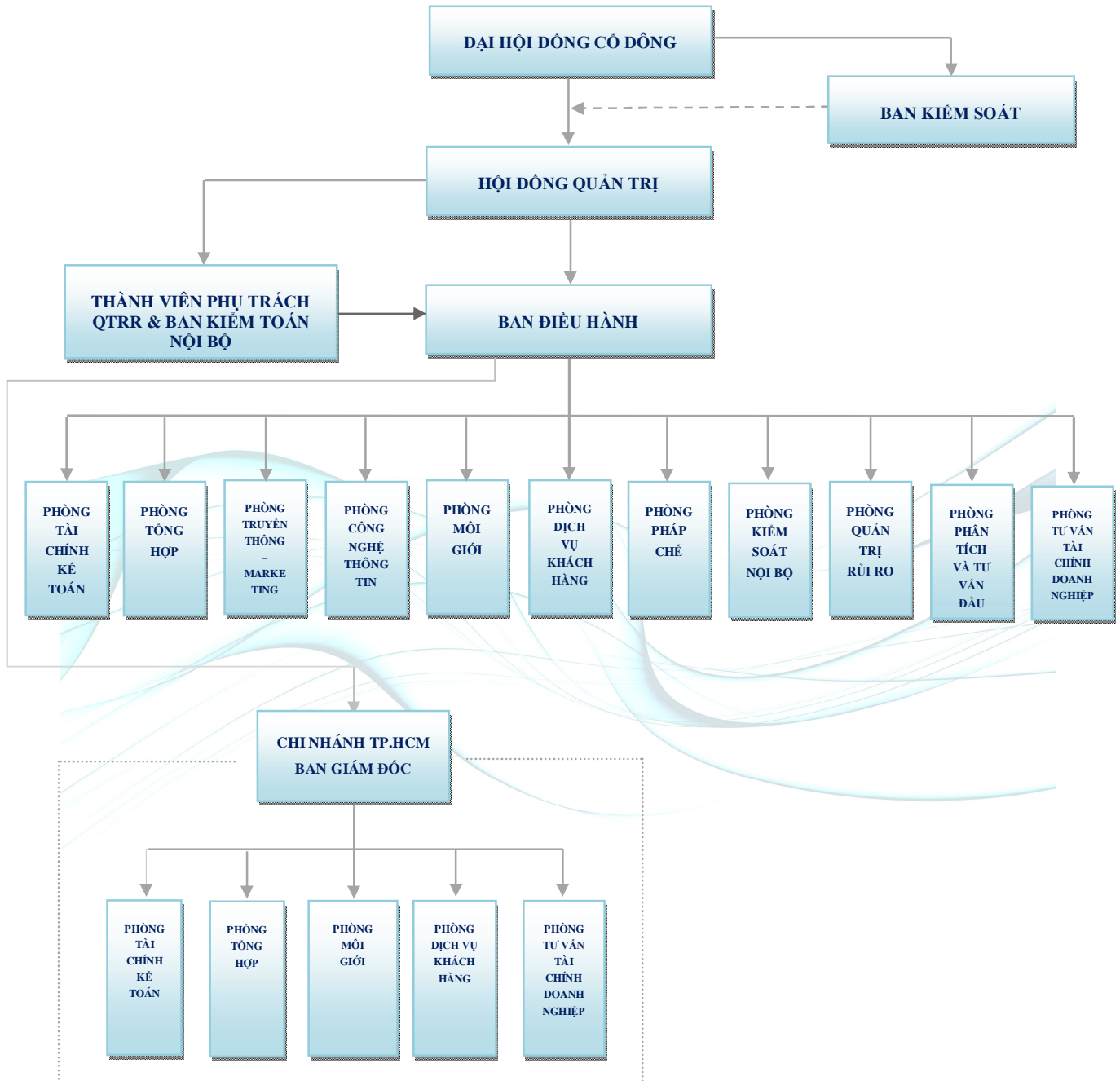
Chi nhánh Sài Gòn: Tầng M, toà nhà Central Park, số 117 Nguyễn Du – Bến Thành – Quận 1 – Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- **Mô hình quản trị**

Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại Hội Đồng Cổ đông; Ban Kiểm soát; Hội đồng Quản trị và tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị; Ban Điều hành Công ty - Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.

• **Cơ cấu bộ máy quản lý**



- **Các công ty con, công ty liên kết:** Không có

5. Định hướng phát triển

- **Mục tiêu phát triển của Công ty**

Công ty ổn định hoạt động, đầu tư nâng cao giá trị chất lượng dịch vụ, tập trung vào mảng hoạt động môi giới, tư vấn tài chính, tư vấn doanh nghiệp, cung cấp cho các khách hàng những dịch vụ có chất lượng tốt nhất, tạo ra giá trị thặng dư cho các đối tác liên quan và có những đóng góp tích cực được cộng đồng tôn trọng.

- **Các mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng của Công ty**

Xây dựng hình ảnh Công ty văn minh, lịch sự, môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện hòa đồng. Tham gia các chương trình ủng hộ từ thiện, giáo dục, các chương trình thể thao, ca nhạc....

6. Các rủi ro

Năm 2016, kinh tế thế giới phục hồi chậm và đối mặt với nhiều rủi ro như: sự kiện Anh rời khỏi EU (Brexit), sự giảm tốc của kinh tế Trung Quốc, chủ nghĩa bảo hộ lên cao, chính sách mới của Tân Tổng thống Mỹ, áp lực nâng lãi suất USD, dòng vốn rút ra của nhà đầu tư nước ngoài từ các thị trường mới nổi,... đã ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động của thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam tuy nhiên TTCK Việt Nam nhờ sự ổn định của kinh tế vĩ mô trong nước đã phục hồi nhanh và đạt được mức tăng trưởng khá.

Kết thúc ngày 31/12/2016, chỉ số VN-Index đóng cửa 664,87 điểm, tăng 14,82% so với cuối năm 2015 và lập đỉnh ở 692,17 điểm (ngày 29/9/2016) – mức cao nhất được ghi nhận kể từ tháng 2/2008. HNX-Index đóng cửa 80,12 điểm, tăng 0,2% so với cuối năm 2015 và lập đỉnh ở mức 88,16 điểm (ngày 7/7/2016). Upcom Index đóng cửa 53,82 điểm, tăng 4,97% so với cuối năm 2015. Tổng giá trị giao dịch trên cả hai sàn niêm yết HOSE và HNX năm 2016 đạt hơn 731 nghìn tỷ đồng, tăng 18,57% so với mức tổng giá trị giao dịch 617 nghìn tỷ đồng năm 2015.

Tổng vốn hoá của thị trường niêm yết trong năm 2016 đạt hơn 1,64 triệu tỷ đồng (72 tỷ USD), tăng 345 nghìn tỷ đồng (26,6%) so với cuối năm 2015. Sự tăng trưởng này chủ yếu đến từ sàn HOSE khi vốn hoá tăng lên 344,8 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 30,1% đạt gần 1,5 triệu tỷ đồng so với thời điểm cuối năm 2015. Vốn hoá của HNX tăng nhẹ lên mức 151,702 nghìn tỷ đồng. Top 10 cổ phiếu có vốn hóa mạnh nhất trên thị trường niêm yết cũng như tại sàn HOSE đạt 906 nghìn tỷ đồng, chiếm 55% tổng vốn hóa. Sàn UPCOM năm qua có một năm đầy sôi động với các doanh nghiệp mới lên sàn. Hàng loạt doanh nghiệp lớn của Nhà nước sau khi cổ phần hoá lên sàn như: Bia Hà Nội (BHN), Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam (ACV), Mía đường Quảng Ngãi (QNS)... Vốn hoá của UPCOM tính đến hết ngày 30/12/2016 đã tăng lên mức 313,4 nghìn tỷ đồng, tăng tới gần 420% so với đầu năm 2016.

Năm 2016, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách thúc đẩy cổ phần hóa, gắn cổ phần hóa với niêm yết/đăng ký giao dịch trên TTCK đã mang lại hiệu quả tích cực trong việc tăng hàng hóa chất lượng cho thị trường như: ngày 1/11/2016, Thông tư số 115/2016/TT-BTC chính thức có hiệu lực đã rút ngắn thời gian từ hậu cổ phần hóa bán đấu giá cổ phần ra công chúng đến giao dịch trên sàn chứng khoán, đồng thời các chế tài cưỡng chế đã được sửa đổi theo hướng nghiêm khắc hơn.

Ngày 16/3/2016, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) tổ chức công bố mô hình và kế hoạch phát triển hệ thống giao dịch và bù trừ thanh toán chứng khoán phái sinh. Mở đường bằng Nghị định 42/2015/NĐ-CP, tiếp đó được chi tiết hóa bằng Thông tư 11/2016/TT-BTC, khung pháp lý cho TTCK phái sinh cơ bản được hoàn thiện. Tính tới cuối năm 2016, các khâu chuẩn bị về cơ bản đã được hoàn thiện, sẵn sàng cho TTCK phái sinh chính thức vận hành vào năm 2017. Sự hiện diện của thị trường chứng khoán phái sinh được xem như một dấu ấn quan trọng trong lộ trình hoàn thiện cấu trúc của TTCK Việt Nam, góp phần hoàn thiện cơ cấu hàng hóa trên thị trường tài chính và giúp hỗ trợ đa dạng hóa danh mục đầu tư, cung cấp công cụ phòng ngừa rủi ro và đáp ứng nhu cầu ngày một nhiều đối với các sản phẩm tài chính bậc cao.

Năm 2016, Thị trường Trái phiếu Chính (TPCP) phủ liên tiếp lập nhiều kỷ lục ấn tượng: Thị trường sơ cấp ghi nhận mức huy động kỷ lục với con số lên tới 281 nghìn tỉ đồng. Do nhu cầu thị trường, kế hoạch huy động cả năm được thay đổi tới 2 lần, từ mức 220 ban đầu, lên 250 và 281 nghìn tỉ đồng. Một thành công khác của thị trường TPCP trong năm 2016 là việc kỳ hạn huy động trên thị trường sơ cấp liên tiếp được kéo dài. Tính tới thời điểm cuối năm 2016, kỳ hạn vay bình quân TPCP trong năm đạt 8,27 năm, nâng kỳ hạn bình quân của cả danh mục TPCP đạt 5,63 năm (cao hơn 1,19 năm so với kỳ hạn bình quân danh mục TPCP đến cuối năm 2015 là 4,44 năm). Cùng với việc lãi suất huy động giảm mạnh (có thời điểm kỳ hạn 5 năm về dưới mốc 5%/năm, giảm tới 175 điểm cơ bản so với cùng kỳ, từ 6,65% xuống 4,9%/năm), khi kỳ hạn vay kéo dài có ý nghĩa rất lớn đối với việc tái cơ cấu kỳ hạn nợ của Chính phủ theo hướng kéo dài thời gian trả nợ, giảm bớt áp lực ngắn hạn và chi phí huy động vốn. Năm 2016, cũng là năm ghi nhận sự sôi động của thị trường TPCP thứ cấp. Tổng lượng giao dịch TPCP đạt con số khoảng 1,5 triệu tỷ đồng và giá trị bình quân phiên đạt trên 6.200 tỷ đồng/phiên. Cùng với đó, lượng giao dịch repo đã chiếm tỷ trọng lớn hơn nhiều, thị trường đã có sự phát triển mạnh theo chiều sâu.

Ngày 24/10/2016, chỉ số VNX-Allshare đã chính thức vận hành và là chỉ số cơ sở đầu tiên kết nối 2 sàn niêm yết hiện nay (HSX và HNX). Việc ra đời chỉ số chung VNX-Allshare được đánh giá cao, bởi từ trước đến nay, 2 Sở Giao dịch chứng khoán tại Việt Nam vận hành những bộ chỉ số độc lập.

Sau 20 năm, Việt Nam đã xây dựng được một thị trường chứng khoán vận hành suôn sẻ, gồm các Sở giao dịch chứng khoán (HOSE và HNX), với trên 1.000 doanh nghiệp đại chúng đưa cổ phiếu vào giao dịch tập trung, quy mô vốn hóa cổ phiếu niêm yết trên 70 tỉ USD, thu hút 1,6 triệu nhà đầu tư trong và ngoài nước. Trong suốt hai thập kỷ qua, TTCK Việt Nam đã huy động trên 2 triệu tỷ đồng vốn cho đầu tư phát triển doanh nghiệp và đất nước. Khoảng 4.000 doanh nghiệp đã thực hiện bán đấu giá công khai cổ phần ra công chúng thông qua TTCK Việt Nam...

Bên cạnh việc hoàn thiện cơ sở pháp lý và các chính sách liên quan đến TTCK, công tác tái cấu trúc các tổ chức kinh doanh chứng khoán đã có những kết quả tích cực: đã giảm được 8 công ty chứng khoán; 83/86 công ty chứng khoán có tỷ lệ an toàn tài chính từ 180% trở lên. Hiện còn 3 công ty chứng khoán đang trong tình trạng kiểm soát đặc biệt, 01 công ty chứng khoán đang trong tình trạng kiểm soát.

Trên cơ sở đánh giá một cách toàn diện và xây dựng cơ sở cho định hướng hoạt động của Công ty, OCS nhận thấy những rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty như sau:

❖ **Rủi ro hoạt động**

Rủi ro trong hoạt động môi giới chứng khoán

Rủi ro trong hoạt động môi giới chứng khoán có thể xảy ra ở bất cứ khâu nào trong quy trình môi giới chứng khoán. Rủi ro này xuất phát từ các sai sót trong khi môi giới thực hiện lệnh cho khách hàng, giao dịch với đối tác gây thiệt hại mà Công ty phải bồi hoàn do lỗi hệ thống công nghệ của công ty, các tác động khách quan khác.

Việc kiểm soát rủi ro hoạt động luôn được Công ty chú trọng và ưu tiên hàng đầu. Công ty đã xây dựng, ngày càng hoàn thiện hệ thống quy trình nghiệp vụ toàn công ty, kết hợp với hệ thống máy móc và công nghệ phần mềm hiện đại từng bước nâng cấp nhằm đáp ứng tốt nhất, tiện lợi

nhất cho khách hàng khi giao dịch tại Công ty và đề cao hoạt động kiểm soát rủi ro ở tất cả các cấp. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên đào tạo, nâng cao nghiệp vụ và đạo đức cho các cán bộ công nhân viên Công ty.

Rủi ro hoạt động tự doanh

Đây là những rủi ro cá biệt liên quan đến danh mục đầu tư của Công ty sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty. Hoạt động tự doanh của Công ty phụ thuộc vào diễn biến thị trường, khả năng đánh giá giá trị cổ phiếu và các yếu tố khác quan khác. Để hạn chế và giảm thiểu rủi ro trong hoạt động này, OCS xây dựng đội ngũ chuyên viên phân tích định giá giỏi, chuyên nghiệp, có khả năng phản ứng nhanh với biến động thị trường, đảm bảo đầu tư theo nguyên tắc cẩn trọng, ưu tiên an toàn với mức độ lợi nhuận chấp nhận.

Rủi ro hỗ trợ tài chính cho khách hàng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi Công ty có khả năng không thu được nợ hoặc khách hàng không thực hiện nghĩa vụ hợp đồng dẫn đến các tổn thất về tài chính cho Công ty. Rủi ro này nảy sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ ký quỹ (margin) cho khách hàng, nhiều công ty đã phải chấp nhận khoản lỗ lớn vì nắm giữ một lượng lớn cổ phiếu thị giá thấp hơn giá gốc khi khách hàng chối bỏ trách nhiệm nộp thêm tiền vào tài khoản. Giao dịch ký quỹ là một công cụ tốt để cạnh tranh và hỗ trợ cho cuộc chạy đua giành thị phần nhưng cần quản trị rủi ro tốt để đảm bảo tránh được khoản lỗ lớn. Công ty cần có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi sát tình hình để giảm thiểu rủi ro cho công ty.

❖ Rủi ro thanh toán

Với chính sách thận trọng, nên mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ của Công ty là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

❖ Rủi ro thanh khoản của thị trường

Khi thanh khoản biến động bất thường và đột ngột thì rủi ro là rất lớn với nghiệp vụ tự doanh, cho vay ký quỹ hay trong tương lai là các hoạt động vay mượn chứng khoán và sản phẩm quyền chọn của công ty chứng khoán.

Rủi ro thị trường là rủi ro không thể loại bỏ được do sự không ổn định, biến động bất thường của thị trường. Để hạn chế rủi ro này, Công ty cần phải có đội ngũ nhận định, phân tích, dự báo thị trường nhằm đưa ra phương án phòng ngừa hiệu quả.

❖ Rủi ro tuân thủ

Rủi ro này tính đến khía cạnh pháp lý và những văn bản pháp luật được ban hành trên Thị trường chứng khoán. Các công ty chứng khoán cần tuân thủ nghiêm ngặt để tránh đổ vỡ hệ thống. Hành vi một số công ty chứng khoán bất chấp quy định chưa cho phép mà vẫn cho ra đời những sản phẩm dịch vụ như cho vay giao dịch ký quỹ trước đây đã gây ra tổn thất nặng nề. Ở một khía cạnh khác, với sự phát triển của thị trường, nếu hàng lang pháp lý để điều tiết được ban hành không đồng bộ và chậm sẽ gây ra khó khăn trong việc triển khai hoạt động thực tế.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động kinh doanh

• Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2016

Một số chỉ tiêu chính năm 2016 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tăng trưởng (%)
1	Doanh thu hoạt động	71.916	58.844	-18%
2	Chi phí hoạt động	144.107	223.150	55%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	1.548	975	-37%
4	Chi phí tài chính	16	868	5325%
5	Chi phí quản lý công ty chứng khoán	19.166	14.256	-26%
6	Kết quả hoạt động	(89.825)	(178.455)	

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2016)

Doanh thu hoạt động năm 2016 của Công ty đạt 58,84 tỷ đồng. Trong đó, lãi từ các khoản cho vay và phải thu chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu hoạt động năm 2016 chiếm tỷ trọng 42,65%. Tiếp đó là hoạt động môi giới chiếm tỷ trọng 35,48% doanh thu hoạt động năm 2016. Lãi bán các tài sản tài chính (FVTPL) và cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL chiếm tỷ trọng 10,27%, lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) chiếm tỷ trọng 7,11%, còn lại là các hoạt động tư vấn, lưu ký chứng khoán. Trong năm, các tài sản tài chính Công ty đầu tư chủ yếu là các cổ phiếu niêm yết.

Doanh thu hoạt động năm 2016 giảm 18% so với doanh thu hoạt động năm 2015, do sự sụt giảm đáng kể doanh thu từ bán các tài sản tài chính FVTPL của Công ty. Năm 2016, Ban lãnh đạo Công ty đã chủ động tiết giảm các chi phí hoạt động, doanh thu hoạt động toàn Công ty đã bù đắp được toàn bộ chi phí hoạt động của Công ty trong năm. Hội đồng quản trị tiếp tục thực hiện trích lập dự phòng cho các khoản phải thu của các năm trước theo quy định của Pháp luật, chế độ kế toán.

• Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Theo kế hoạch hoạt động kinh doanh đã được Đại Hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty thông qua, Công ty gần đạt kế hoạch về tổng doanh thu nhưng chưa đạt kế hoạch lợi nhuận.

2. Tổ chức và nhân sự

• Danh sách Ban điều hành:

TT	Họ tên	Chức vụ
1	Vũ Hồng Sơn	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc
4	Vũ Thị Thanh Hằng	Kế toán trưởng

✓ Ông Vũ Hồng Sơn – Tổng Giám đốc

Họ và tên:	Vũ Hồng Sơn
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	15/02/1969
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	Phòng 1204, CT1B, KĐT Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Kinh tế
Tổng số cổ phần nắm giữ đến ngày 31/12/2016:	36.883.000 cổ phần
+ Số cổ phần đại diện:	22.500.000 cổ phần
+ Số cổ phần cá nhân nắm giữ:	14.383.000 cổ phần
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không

✓ Nguyễn Thị Phương Thảo – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên:	Nguyễn Thị Phương Thảo
Giới tính:	Nữ
Ngày sinh:	6/8/1981
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	Khu Đường Thuyết, P.Dur Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ chuyên ngành Luật
Tổng số cổ phần nắm giữ đến ngày 31/12/2016:	5.000.000 cổ phần
+ Số cổ phần đại diện:	0 cổ phần
+ Số cổ phần cá nhân nắm giữ:	5.000.000 cổ phần
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không

✓ **Nguyễn Tiên Dũng – Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên:	Nguyễn Tiên Dũng
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	10/03/1982
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	Số 8, Đường 11 – Khu dân cư Phú Mỹ – Hoàng Quốc Việt – Phường Phú Mỹ – Quận 7 – Tp Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng
Tổng số cổ phần nắm giữ đến ngày 31/12/2016:	0 cổ phần
+ Số cổ phần đại diện:	0 cổ phần
+ Số cổ phần cá nhân nắm giữ:	0 cổ phần
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không

✓ **Vũ Thị Thanh Hằng – Kế toán trưởng**

Họ và tên:	Vũ Thị Thanh Hằng
Giới tính:	Nữ
Ngày sinh:	20/12/1975
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	Số 7, Ngõ 499, Kim Mã, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Tổng số cổ phần nắm giữ đến ngày 31/12/2016:	2.000.000 cổ phần
+ Số cổ phần đại diện:	0 cổ phần
+ Số cổ phần cá nhân nắm giữ:	2.000.000 cổ phần
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không

• **Thay đổi nhân sự chủ chốt trong năm 2016:**

- Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc đối với ông Đặng Văn Hậu theo Quyết định số 07/2016/QĐ-HĐQT ngày 24/05/2016 của HĐQT
- Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc đối với ông Vũ Hồng Minh theo Quyết định số 08/2016/QĐ-HĐQT ngày 29/09/2016.
- **Số lượng cán bộ, nhân viên Công ty tới ngày 31/12/2016:** 65 người, trong đó số lượng cán bộ nhân viên nghiệp vụ đã có đủ chứng chỉ hành nghề chứng khoán do UNCKNN cấp là 33 người.
- **Chính sách đối với người lao động:**
 - Được sắp xếp, bố trí, phân công công việc phù hợp với nhu cầu của Công ty và trình độ, năng lực chuyên môn;
 - Được cử đi học tập, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo yêu cầu của Công ty;
 - Được hưởng đầy đủ các quyền lợi và chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước (hợp đồng lao động, BHXH, BHYT, BHTN, nghỉ ốm đau, thai sản, nghỉ phép ... và các chế độ khen thưởng, phúc lợi khác)

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Các khoản đầu tư lớn: Không có
- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

- **Tình hình tài chính**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tăng trưởng (%)
1	Tổng tài sản	585.499	401.935	-31,35%
2	Vốn chủ sở hữu	573.734	394.534	-31,23%
3	Vốn điều lệ	600.000	600.000	0,00%
4	Doanh thu hoạt động	71.916	58.844	-18,18%
5	Kết quả hoạt động	(89.825)	(178.455)	
6	Kết quả hoạt động khác	(70)	(745)	
7	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(89.895)	(179.200)	
8	Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(91.101)	(179.200)	

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2016)

• Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn)	lần	48,25	50,73
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản lưu động - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	48,25	50,73
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,02	0,02
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0,02	0,02
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu hoạt động/Tổng tài sản)	vòng	0,12	0,15
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu hoạt động	%	-126,68%	-304,53%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	-15,88%	-45,42%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-15,56%	-44,58%
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu hoạt động	%	-124,90%	-303,27%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 60.000.000 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: 60.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 60.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Thành phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần theo mệnh giá	Tỷ lệ so với vốn điều lệ
			(đồng)	(%)
Phân theo tỷ lệ sở hữu				
1	Cổ đông lớn	45.183.000	451.830.000.000	75,31%
2	Cổ đông nhỏ	14.817.000	148.170.000.000	24,69%
Tổng		60.000.000	600.000.000.000	100,00%

Phân theo cơ cấu nội bộ				
1	Cổ đông tổ chức	28.291.000	282.910.000.000	48,30%
2	Cổ đông cá nhân	31.019.000	310.190.000.000	51,70%
Tổng		60.000.000	600.000.000.000	100,00%
Phân theo nguồn vốn hình thành				
1	Nhà nước	-	-	-
2	Cổ đông khác	60.000.000	600.000.000.000	100%
Tổng		60.000.000	600.000.000.000	100%
Phân theo địa bàn				
1	Cổ đông trong nước	60.000.000	600.000.000.000	100%
2	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
Tổng		60.000.000	600.000.000.000	100%

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty tại ngày 31/12/2016)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

a. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b. Chính sách liên quan đến người lao động

- + Công ty tuân thủ và đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các quyền lợi và chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước và có các chế độ khen thưởng phúc lợi, các chương trình chăm sóc sức khỏe và đời sống tinh thần hàng năm cho người lao động.
- + Môi trường làm việc chuyên nghiệp, văn minh, lịch sự và tạo điều kiện cho người lao động có cơ hội được học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

c. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Tham gia đầy đủ các chương trình ủng hộ, từ thiện của địa phương.

d. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh: Chưa có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Năm 2016, Ban lãnh đạo Công ty đã cố gắng ổn định hoạt động kinh doanh, một mặt tiết giảm các chi phí hoạt động và phân đầu doanh thu bù đắp được chi phí hoạt động, tuy nhiên do việc trích lập các khoản phải thu từ các năm trước và dẫn đến lợi nhuận sau thuế của Công ty bị âm.

2. Tình hình tài chính

• Tình hình tài sản

Tại thời điểm 31/12/2016, tổng tài sản của Công ty là 401,93 tỷ đồng giảm 31,35% so với cùng kỳ năm 2015. Trong đó tài sản ngắn hạn là 375,47 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2016 giảm 33,85% so với con số 567,6 tỷ đồng tại 31/12/2015, do Công ty trích lập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay liên quan đến khoản phải thu hợp đồng margin. Tại thời điểm 31/12/2016, dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp là 277,36 tỷ đồng, trong đó dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay là 277,08 tỷ đồng, dự phòng giảm giá tài sản tài chính là 282,88 triệu đồng. Tài sản dài hạn tại 31/12/2016 tăng từ 17,89 tỷ đồng lên 26,45 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2015 chủ yếu do tăng khoản đầu tư dài hạn 10 tỷ đồng là khoản tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng.

• Tình hình nợ phải trả:

Tính đến hết năm 2016, tình hình nợ phải trả của Công ty như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016
1	Nợ ngắn hạn	11.764	7.400
1.1	Vay và nợ thuê tài chính	3.180	0
1.3	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	353	464
1.4	Phải trả người bán ngắn hạn	1.095	599
	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	365	365
1.5	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.238	1.100
1.6	Phải trả người lao động	2.630	2.861
1.7	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	110	178
1.8	Chi phí phải trả ngắn hạn	1.091	416
1.9	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	799	832
1.10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	903	585
2	Vay và nợ dài hạn	0	0
	Tổng	11.764	7.400

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Hoàn thiện hệ thống mẫu biểu, hợp đồng cho dịch vụ môi giới chứng khoán và các dịch vụ khác theo hướng đơn giản hóa, thuận tiện cho việc triển khai nhưng vẫn đảm bảo tuân thủ pháp luật.
- Hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.
- Hoàn thiện hệ thống quy trình nội bộ từ tư vấn đến phân tích, IT...
- Trong năm, Công ty cũng đã tạo điều kiện cũng như hỗ trợ cán bộ nhân viên hoàn tất các khóa học và lấy chứng chỉ của UBCKNN nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

a. TTCK Việt Nam năm 2017

Trong năm 2017, Chính phủ đặt mục tiêu giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, tạo chuyển biến rõ rệt trong thực hiện đột phá chiến lược: tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tăng cường sức cạnh tranh của nền kinh tế và khuyến khích khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp, nâng cao tính tự chủ kinh tế, ... Các chỉ tiêu kinh tế cụ thể: GDP tăng khoảng 6,7%; tổng kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 6%-7%; tỷ lệ nhập siêu khoảng 3,5%; lạm phát đạt 4%, tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 31,5% GDP.

TTCK Việt Nam năm 2017 được dự đoán sẽ có cơ hội tăng trưởng từ sự hỗ trợ của nền kinh tế vĩ mô ổn định, hoạt động thoái vốn của Nhà nước tại các doanh nghiệp Nhà nước và sự tăng trưởng của các doanh nghiệp niêm yết đang là yếu tố thu hút các nhà đầu tư tới Việt Nam - một trong những thị trường nóng của châu Á.

Lượng cung hàng trên thị trường được dự báo sẽ cải thiện cả về chất lượng và số lượng dựa trên những định hướng của Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động cổ phần hóa và niêm yết các doanh nghiệp Nhà nước như: niêm yết các doanh nghiệp sau đợt phát hành lần đầu ra công chúng như Petrolimex, Vietjet Air, VEAM, Vinatex, Vietnam Airline; các doanh nghiệp đang IPO như PV Power, Mobifone; quá trình chuyển sàn của một số tổng công ty với giá trị vốn hóa lớn sau thời gian đăng ký giao dịch trên Upcom như Habeco, Viglacera, Tổng công ty Cảng hàng không, ... Thời điểm và mức độ thực hiện cam kết trong lộ trình thoái vốn Nhà nước tại 10 doanh nghiệp lớn tại SCIC đã được Chính phủ thông qua. Bên cạnh đó, các văn bản pháp luật đã được ban hành giúp đẩy nhanh quá trình niêm yết/đăng ký giao dịch, cổ phần hóa của các doanh nghiệp Nhà nước.

Việt Nam được kỳ vọng sẽ vẫn là điểm đến hấp dẫn của dòng vốn đầu tư nước ngoài trong năm tới, đặc biệt là khu vực Châu Á với lợi thế cạnh tranh về nền chính trị ổn định; lạm phát, tỷ giá trong tầm kiểm soát và TTCK có sức chống chịu tương đối tốt so với các yếu tố bất định trên thế giới trong năm vừa qua.

Khung pháp lý cho thị trường chứng khoán phái sinh về cơ bản đã được ban hành đầy đủ. Các quy chế hướng dẫn về niêm yết, giao dịch, thành viên và thanh toán bù trừ cũng đã được HNX và VSD hoàn tất và chuẩn bị ban hành. Hệ thống giao dịch và bù trừ thanh toán qua quá trình kết nối thử nghiệm đã đảm bảo hoạt động ổn định và sẵn sàng cho việc vận hành thị trường. Thị trường chứng khoán phái sinh đi vào vận hành hứa hẹn đem lại nhiều sản phẩm mới cho TTCK Việt Nam.

Tuy nhiên, trong năm 2017 các diễn biến bất thường trên thế giới lại có thể gây ra những rủi ro khó lường nằm ngoài tầm kiểm soát và khó có thể dự báo chính xác với TTCK Việt Nam như: chính sách của tân tổng thống Mỹ theo chiều hướng không thuận lợi cho thương mại, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến Hiệp định thương mại tự do TPP; biến động của ngoại tệ mạnh theo sát với các thời điểm và lộ trình FED nâng lãi suất cũng như biến động chính trị như Brexit; các vấn đề xung quanh việc giảm tốc của nền kinh tế Trung Quốc, rủi ro đồng CNY tiếp tục bị hạ giá gây sức ép lên tỷ giá tiền đồng Việt Nam.

Để bảo đảm duy trì sự phát triển ổn định và bền vững của TTCK, tiếp tục triển khai công tác tái cấu trúc thị trường chứng khoán, tăng cường tính công khai, minh bạch đồng thời gắn kết công tác cổ phần hóa với niêm yết/đăng ký giao dịch trên TTCK, trong năm 2017, các giải pháp phát triển TTCK Việt Nam được Ủy ban chứng khoán Nhà nước đưa ra như: Hoàn thiện khung pháp lý và nâng cao năng lực quản lý, giám sát thông qua việc tiếp tục triển khai xây dựng Luật chứng khoán sửa đổi và hệ thống văn bản pháp lý đồng bộ; Tăng cung hàng hóa cho thị trường và cải thiện chất lượng nguồn cung thông qua đẩy mạnh cổ phần hóa, thoái vốn của các doanh nghiệp Nhà nước gắn với niêm yết/đăng ký giao dịch; Đa dạng hóa cơ sở nhà đầu tư và cải thiện sức cầu; Phát triển, nâng cao năng lực cho hệ thống các tổ chức trung gian thị trường; Tái cấu trúc tổ chức thị trường, cơ sở hạ tầng, công nghệ và nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát TTCK và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

b. Chỉ tiêu tài chính năm 2017 của Công ty

Trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam còn có những biến động phức tạp cũng như những khó khăn riêng của Công ty, năm 2017 Công ty định hướng ổn định hoạt động kinh doanh, tiết giảm chi phí, phân đầu doanh thu đủ bù đắp chi phí, tiếp tục thực hiện trích lập dự phòng các khoản phải thu margin quá hạn từ năm 2014 trở về trước. Một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2017 của Công ty như sau:

- Vốn điều lệ năm 2017: 600 tỷ đồng
- Tổng doanh thu năm 2017 dự kiến: 61 tỷ đồng
- Tổng chi phí: 60,5 tỷ đồng

Cơ sở đặt chỉ tiêu kế hoạch

❖ Hoạt động môi giới:

- Tập trung từng bước mở rộng khách hàng phía Nam và khu vực Hà Nội;
- Chăm sóc và duy trì sự hài lòng tối đa của cơ sở khách hàng hiện tại;
- Giữ ổn định đội ngũ nhân sự môi giới, tiếp tục tìm kiếm tuyển dụng nhân sự cho bộ phận môi giới, tư vấn, chăm sóc khách hàng.

❖ Hoạt động tư vấn:

- Duy trì, nâng cao chất lượng dịch vụ với những khách hàng hiện tại. Bên cạnh đó tìm kiếm phát triển khách hàng là các Tổng Công ty và các công ty lớn.
- Đẩy mạnh hoạt động tư vấn niêm yết, đăng ký giao dịch trong năm 2017.

❖ Hoạt động tự doanh

- Công ty đầu tư tự doanh theo nguyên tắc cẩn trọng, đảm bảo an toàn vốn tối đa, phù hợp và bắt kịp xu thế của thị trường;
- Đầu tư chuyên sâu vào đội ngũ phân tích chất lượng cao, đảm bảo sản phẩm nghiên cứu phân tích áp dụng vào hoạt động tự doanh;

❖ **Hoạt động cung cấp các dịch vụ tài chính**

- Cung cấp các sản phẩm đa dạng, linh hoạt đáp ứng nhu cầu của khách hàng, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật;
- Tài trợ cung cấp nguồn vốn cho khách hàng cá nhân và tổ chức;
- Tăng cường quản lý rủi ro và đảm bảo hoạt động tài trợ tài chính và các công cụ tài chính sử dụng đảm bảo an toàn và theo đúng quy định của pháp luật.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

- a. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Trong tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty còn khó khăn, Ban lãnh đạo Công ty cùng các cán bộ công nhân viên đã nỗ lực để theo sát kế hoạch kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Bên cạnh đó, Công ty cũng cố gắng tạo điều kiện tối đa để người lao động được nâng cao trình độ chuyên môn và được tham gia các chương trình phúc lợi của Công ty.
- b. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Tham gia đầy đủ các chương trình địa phương phát động.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

• **Môi giới – dịch vụ khách hàng**

Năm 2016, doanh thu hoạt động môi giới của Công ty tăng nhẹ so với năm 2015, đạt 20,87 tỷ đồng, tăng 2% so với năm 2015. Tính đến 31/12/2016, số lượng khách hàng mở tài khoản giao dịch tại OCS là 7.050 tài khoản, số lượng khách hàng mở tài khoản giao dịch mới trong năm 2016 là 378 tài khoản, giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư thực hiện trong năm 2016 là 13.674 tỷ đồng.

• **Tư vấn tài chính doanh nghiệp**

Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp của OCS trong năm tập trung vào việc hoàn thành các hợp đồng đã triển khai những năm trước. Bên cạnh việc tiếp tục tìm kiếm phát triển khách hàng mới, OCS tiếp tục duy trì chăm sóc khách hàng truyền thống. Doanh thu hoạt động tư vấn trong năm là 973 triệu đồng giảm 48% so với con số cùng kỳ năm 2015. Trong năm 2016, hoạt động tư vấn tư vấn bán vốn Nhà nước, tư vấn tổ chức Đại Hội Đồng Cổ đông, tư vấn đăng ký giao dịch, ...: hoàn thành 11 hợp đồng, hợp đồng ký mới trong năm là 03 hợp đồng.

• **Phân tích & Tư vấn đầu tư**

Nhận định kịp thời trong phiên giao dịch góp phần định hướng, hỗ trợ Phòng Môi Giới và khách hàng cá nhân, tổ chức của Công ty. Chú trọng xây dựng các báo cáo có tính thực tiễn, mức độ linh hoạt, kịp thời cao nhằm phục vụ yêu cầu đặc thù của từng nhóm khách hàng.

- **Đầu tư (tự doanh)**

Công ty tiến hành tự doanh theo nguyên tắc thận trọng, dựa trên nghiên cứu kỹ về thị trường. Trong năm 2016, Công ty hạn chế hoạt động tự doanh để đảm bảo an toàn nguồn vốn đầu tư.

- **Hoạt động cung cấp các dịch vụ tài chính**

Bên cạnh việc đa dạng hoá các sản phẩm tài chính, cung cấp các sản phẩm linh hoạt đáp ứng nhu cầu của khách hàng, OCS tiếp tục chú trọng mở rộng và xây dựng quan hệ hợp tác với các ngân hàng thương mại, thường xuyên theo dõi diễn biến tình hình lãi suất để có phương án đàm phán hiệu quả nhất. Các khoản cho vay đến thời điểm 31/12/2016 khoảng 505 tỷ đồng trong đó phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán là 18,14 tỷ đồng; phải thu cho vay hợp đồng margin là 486,99 tỷ đồng. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu là 25,09 tỷ đồng, đóng góp đáng kể vào doanh thu hoạt động hàng năm. Tuy nhiên, dự phòng suy giảm giá trị các khoản vay khá lớn, đến 31/12/2016, giá trị dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay là 277,08 tỷ đồng.

- **Công nghệ thông tin:**

Công ty tiến tục phát triển các ứng dụng mới trên hệ thống phần mềm lõi chứng khoán AFE nhằm cung cấp cho khách hàng các dịch vụ tiện ích đa dạng, đảm bảo tính ổn định, bảo mật, giúp khách hàng thuận tiện trong các giao dịch chứng khoán.

Website của Công ty cung cấp đầy đủ thông tin về các gói dịch vụ và tiện ích để phục vụ nhà đầu tư. Khách hàng có thể thực hiện giao dịch trực tuyến bằng cách truy cập vào website của OCS và sử dụng nhiều tiện ích: Vm-Trade (giao dịch trên Điện thoại); VI-Trade (giao dịch trên website ocs.com.vn); VIP –Trade (giao dịch trên các máy tính cá nhân).

- **Nhân sự - Đào tạo:**

Trong năm, Công ty đã tạo điều kiện và hỗ trợ cán bộ tham gia các khóa học về nghiệp vụ chứng khoán tại Trung tâm Đào tạo Chứng khoán thuộc UBCK Nhà nước, nâng cao trình độ chuyên môn của tất cả các bộ phận thông qua hoạt động đào tạo tại chỗ, kiểm soát quy trình cũng như các khóa đào tạo nghiệp vụ, kỹ năng mềm.

2. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty**

Ban Tổng giám đốc của Công ty đã có sự chỉ đạo, điều hành sát sao các mặt hoạt động của Công ty, đảm bảo mục tiêu mà HĐQT đưa ra là phát triển bền vững, từng bước củng cố hoạt động. Ban Tổng Giám đốc đã có những báo cáo kịp thời lên HĐQT để đưa ra các điều chỉnh về chiến lược khi tình hình thị trường có sự chuyển biến mới.

3. **Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

HĐQT dự kiến sẽ đẩy mạnh công tác hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro trong Công ty theo hướng phù hợp với các quy định mới. Bên cạnh đó, HĐQT sẽ tiếp tục nghiên cứu các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động môi giới và tư vấn trên cơ sở định vị rõ ràng khách hàng mục tiêu và cung cấp các sản phẩm dịch vụ OCS có lợi thế cạnh tranh.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

• Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

TT	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (tính đến ngày 31/12/2016)	Là thành viên HĐQT của Công ty khác
01	Vũ Hồng Sơn	Chủ tịch HĐQT	36.883.000 cổ phần trong đó: - Sở hữu: 14.383.000 - Đại diện Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương: 22.500.000	- Chủ tịch HĐQT CTCP Nông lâm sản Đại Dương
02	Nguyễn Thị Phương Thảo	Thành viên HĐQT	5.000.000 cổ phần	Không
03	Lê Thị Ánh Tuyết	Thành viên HĐQT không điều hành	0 cổ phần	- Chủ tịch HĐQT CTCP Tân Việt - Chủ tịch HĐQT CTCP Fafim Việt Nam

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã thành lập Ban Kiểm toán nội bộ. Ban Kiểm toán nội bộ có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định tại Điều 36 Thông tư 210/2012/TT-BTC và chính thức hoạt động kể từ ngày 31/12/2013.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Định kỳ hàng quý, Hội đồng quản trị tổ chức các cuộc họp để nghe báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về tình hình hoạt động của Công ty đồng thời trên cơ sở các đề xuất, kiến nghị của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị thảo luận và ra các quyết sách phù hợp, định hướng cho sự phát triển bền vững của Công ty.

• Các cuộc họp Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
01	Ông Vũ Hồng Sơn	Chủ tịch	08	100%
02	Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Thành viên	08	100%
03	Bà Lê Thị Ánh Tuyết	Thành viên	08	100%

• Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo năm 2016):

Stt	Số	Ngày	Nội dung
01	01/2016/NQ-HĐQT	02/01/2016	Thông qua chính sách QTRR
02	02/2016/NQ-HĐQT	11/03/2016	Tổ chức lấy ý kiến CĐ bằng văn bản v/v chuyển địa điểm đặt trụ sở chính (UDIC-VNT)
03	03/2016/NQ-HĐQT	18/03/2016	Quyết định đóng cửa PGD Trung Kính và PGD Hoàn Kiếm
04	04/2016/NQ-HĐQT	24/03/2016	Tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2016 và chốt danh sách CĐ tham dự họp
05	05/2016/NQ-HĐQT	06/04/2016	Chốt ngày họp và thông qua tài liệu họp ĐHĐCĐTN 2016
06	06/2016/NQ-HĐQT	27/04/2016	Bầu chủ tịch HĐQT (Ông Vũ Hồng Sơn)
07	07/2016/NQ-HĐQT	24/05/2016	Miễn nhiệm và chấm dứt HĐLĐ đối với ông Đặng Văn hậu – Phó TGĐ
08	08/2016/NQ - HDDQT	29/09/2016	Miễn nhiệm và chấm dứt HĐLĐ đối với ông Vũ Hồng Minh – Phó TGĐ

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (tính đến ngày 31/12/2016)
1	Ông Vũ Xuân Dương	Trưởng ban	0
2	Lại Thị Sen	Thành viên	5.000
3	Nguyễn Thị Linh	Thành viên	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Tham gia một số cuộc họp của HĐQT;
- Tham gia một số buổi làm việc của Ban lãnh đạo OCS về kế hoạch kinh doanh năm và báo cáo tình hình thực hiện;
- Xem xét các báo cáo tổng kết tài chính, kinh doanh do Ban Tổng giám đốc và Phòng tài chính kế toán công ty chuẩn bị;
- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016;
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn, tồn tại và các vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc. Xem xét các báo cáo kiểm toán phát hành;

- Lắng nghe ý kiến cổ đông về tình hình hoạt động kinh doanh của công ty để phản ánh lại HĐQT và Ban Tổng giám đốc.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

Việc chi trả các khoản thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ đông Công ty.

Căn cứ vào đề nghị của các thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm và các thành viên Ban kiểm soát về việc không nhận thù lao do tình hình Công ty khó khăn, do đó phương án thù lao cho Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 thông qua như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số người	Mức chi (đồng/tháng)	Thành tiền (đồng)
A	Thù lao Hội đồng quản trị			48.000.000
1	Chủ tịch HĐQT	1	0	0
2	Thành viên HĐQT không điều hành	1	4.000.000	48.000.000
3	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	1	0	0
B	Thù lao Ban kiểm soát	3	0	0
1	Thành viên BKS độc lập	1	2.000.000	24.000.000
2	Thành viên BKS khác	2	0	0
C	Tổng cộng			72.000.000

- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có
- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có
- Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:



Số: 984/2017/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương được lập ngày 28 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

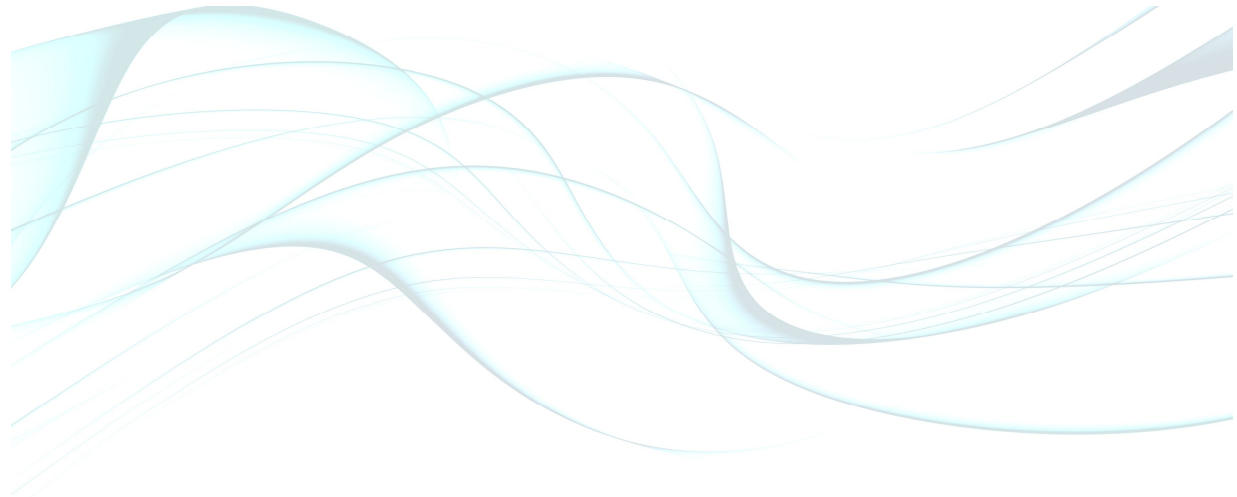
Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Vũ Xuân Biễn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2013-002-1

Trương Thị Hoài Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2446-2013-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017



2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tình hình tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG
 Tầng 2, Tòa nhà VNT, 19 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		375.476.853.155	567.607.627.096
110	I. Tài sản tài chính		374.233.062.030	566.350.250.449
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	117.069.190.882	54.705.489.636
111.1	1.1 Tiền		17.069.190.882	14.705.489.636
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		100.000.000.000	40.000.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	1.014.041.553	73.137.531.248
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	5	20.000.000.000	-
114	4. Các khoản cho vay	5	505.141.774.014	535.887.762.877
116	5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6	(277.367.510.455)	(103.964.219.813)
117	6. Các khoản phải thu	7	7.532.416.036	4.979.920.000
117.1	6.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		5.373.850.000	4.979.920.000
117.2	6.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	7	2.158.566.036	-
117.4	6.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		2.158.566.036	-
118	7. Trả trước cho người bán		217.350.000	1.164.564.000
119	8. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	7	625.800.000	436.050.000
122	9. Các khoản phải thu khác	7	-	3.152.501
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		1.243.791.125	1.257.376.647
131	1. Tạm ứng		36.993.865	32.000.000
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	389.344.277	253.633.834
136	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		817.452.983	967.033.313
137	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	4.709.500
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		26.458.413.845	17.891.076.023
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		10.000.000.000	-
212	1. Các khoản đầu tư	10	10.000.000.000	-
212.1	1.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		10.000.000.000	-
220	II. Tài sản cố định		5.840.348.545	8.080.547.163
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	2.910.085.532	4.112.073.670
222	- Nguyên giá		15.748.803.800	15.327.992.800
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(12.838.718.268)	(11.215.919.130)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	2.930.263.013	3.968.473.493
228	- Nguyên giá		10.076.718.497	10.076.718.497
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.146.455.484)	(6.108.245.004)
250	V. Tài sản dài hạn khác		10.618.065.300	9.810.528.860
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	9	596.186.704	1.792.520.108
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	8	1.528.946.755	828.818.582
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	8.492.931.841	7.189.190.170
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		401.935.267.000	585.498.703.119

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 2, Tòa nhà VNT, 19 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		7.400.856.647	11.764.336.223
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		7.400.856.647	11.764.336.223
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	3.180.000.000
312	1.1 Vay ngắn hạn		-	3.180.000.000
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	14	464.409.483	353.463.976
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	15	599.334.396	1.094.556.655
321	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		365.000.000	365.000.000
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	1.100.042.099	1.238.420.762
323	6. Phải trả người lao động		2.861.306.343	2.630.362.915
324	7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		178.347.868	109.814.418
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	416.077.375	1.090.964.864
329	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		831.420.284	799.169.234
331	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		584.918.799	902.583.399
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		394.534.410.353	573.734.366.896
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	394.534.410.353	573.734.366.896
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		600.000.000.000	600.000.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		600.000.000.000	600.000.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		600.000.000.000	600.000.000.000
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		3.893.448.265	3.893.448.265
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		4.029.118.053	4.029.118.053
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối		(213.388.155.965)	(34.188.199.422)
417.1	4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(213.388.155.965)	(34.188.199.422)
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		401.935.267.000	585.498.703.119

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 2, Tòa nhà VNT, 19 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
008	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	19	11.036.350.000	52.442.440.000
009	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán	20	1.550.000	1.550.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	21	3.005.911.560.000	2.916.561.070.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		2.190.814.720.000	2.107.846.140.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		264.170.000	7.727.910.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		727.295.830.000	703.141.320.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		34.251.640.000	-
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		53.285.200.000	97.845.700.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	22	29.363.240.000	31.401.890.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		29.213.240.000	31.401.890.000
022.4	d. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ		150.000.000	-
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	23	37.350.000.000	62.944.600.000
026	4. Tiền gửi của khách hàng	24	76.820.528.494	54.867.522.147
027	4.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		48.102.535.794	33.197.849.892
029	4.2 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		28.713.992.700	21.661.324.000
029.1	a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước		28.713.992.700	21.661.324.000
030	4.3 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	25	4.000.000	8.348.255

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 2, Tòa nhà VNT, 19 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
031	5. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	26	76.816.528.494	54.859.173.892
031.1	5.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		76.684.396.956	54.729.783.764
031.2	5.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		132.131.538	129.390.128
035	6. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		4.000.000	8.348.255


Nguyễn Bích Hằng
Người lập

Vũ Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởngVũ Hồng Sơn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017

Báo cáo kết quả hoạt động

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG
Tầng 2, Tòa nhà VNT, 19 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015	
			VND	VND	
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG					
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	6.040.987.524	14.865.279.494	
01.1	a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	29.a)	1.215.129.555	14.115.683.544
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	29.b)	4.825.857.969	749.595.950
02	1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	29.b)	4.184.003.982	4.726.786.572
03	1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	29.b)	25.095.152.188	26.237.420.526
06	1.4	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		20.876.838.792	20.437.203.288
07	1.5	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		-	87.304.993
08	1.6	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		31.992.179	150.000.000
09	1.7	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		1.641.306.819	2.499.224.340
10	1.8	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		973.409.093	1.869.202.552
11	1.9	Thu nhập hoạt động khác		-	1.044.026.731
20		Cộng doanh thu hoạt động		58.843.690.577	71.916.448.496
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG					
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		15.649.326.350	219.291.600
21.1	a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	29.a)	15.649.326.350	219.291.600
24	2.2	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay		173.403.290.642	103.709.872.113
26	2.3	Chi phí hoạt động tự doanh		639.871.338	3.206.352.747
27	2.4	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		28.695.773.220	31.547.083.840
30	2.6	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		1.686.536.021	2.262.844.387
31	2.7	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		3.075.035.809	2.117.265.010
32	2.8	Chi phí các dịch vụ khác		-	1.044.026.731
40		Cộng chi phí hoạt động		223.149.833.380	144.106.736.428
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH 30					
41	3.1	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		2.688.000	-
42	3.2	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		972.543.533	1.547.838.145
50		Cộng doanh thu hoạt động tài chính		975.231.533	1.547.838.145

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG
Tầng 2, Tòa nhà VNT, 19 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	31		
51	4.1 Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		4.958.333	-
52	4.2 Chi phí lãi vay		862.639.779	16.274.852
60	Cộng chi phí tài chính		867.598.112	16.274.852
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	32	14.256.485.017	19.166.423.486
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		(178.454.994.399)	(89.825.148.125)
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	8.1 Thu nhập khác		68.596.026	333.904.550
72	8.2 Chi phí khác	33	813.558.170	404.198.834
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(744.962.144)	(70.294.284)
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		(179.199.956.543)	(89.895.442.409)
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		(179.199.956.543)	(89.895.442.409)
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	34	-	1.205.623.404
100.1	10.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	1.205.623.404
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		(179.199.956.543)	(91.101.065.813)
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	35	(2.987)	(1.518)

Nguyễn Bích Hằng
Người lập

Vũ Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng



Vũ Hồng Sơn
Tổng Giám đốc

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG
Tầng 2, Tòa nhà VNT, 19 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		(179.199.956.543)	(89.895.442.409)
02	2. Điều chỉnh cho các khoản			
03	- Khấu hao tài sản cố định		2.714.358.618	3.113.130.043
04	- Các khoản dự phòng		173.403.290.642	103.709.872.113
06	- Chi phí lãi vay		862.639.779	16.274.852
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(972.543.533)	(1.547.838.145)
09	- Các khoản điều chỉnh khác		149.580.330	-
30	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động			
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		72.123.489.695	(40.510.503.344)
32	- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		(30.000.000.000)	-
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		30.745.988.863	(138.543.920.974)
35	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		(393.930.000)	(4.637.065.000)
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		(2.158.566.036)	-
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(189.750.000)	(478.000.000)
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		3.152.501	5.357.936.814
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(107.692.632)	(3.424.956.734)
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(669.995.267)	339.600.098
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		(835.838.616)	1.736.883.902
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(3.456.445.880)
44	- Lãi vay đã trả		(867.532.001)	(11.382.630)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		451.991.741	(401.690.192)
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		68.533.450	33.250.500
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		(138.378.663)	27.695.950
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		230.943.428	(4.338.570.044)
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		143.196.557	(1.168.471.106)
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(317.664.600)	(945.685.075)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		65.045.317.713	(175.025.327.261)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(474.160.000)	-
65	2. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		972.543.533	1.547.838.145
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		498.383.533	1.547.838.145

Thuyết minh Báo cáo tài chính: Chi tiết theo Báo cáo tài chính đính kèm

Hà Nội, ngày 14 tháng 09 năm 2017

CTCP CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

CHỦ TỊCH HĐQT



Vũ Hồng Sơn